TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 683/2026/DS-PT
Ngày: 13-8-2026
V/v Tranh chấp Quyền sử dụng đất (lối đi).

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng.
Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Tôn;
Ông Nguyễn Chí Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 06 và 13/8/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 411/2026/TLPT-DS ngày 23 tháng 6 năm 2026 về việc tranh chấp "*Quyền sử dụng đất (lối đi)*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2026/DS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1198/2026/QĐ-PT ngày 02 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:*

1.1. Ông Cao Thành L, sinh năm 1963; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

1.2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1963; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L, ông H: Luật sư Nguyễn Văn T - Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; Địa chỉ: Số D, L, khóm K, phường S, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

2. *Bị đơn*:

2.1. Ông Dư Văn N, sinh năm 1964;

2.2. Bà Lê Thị Tuyết L1, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N, bà L1: Ông Trần Thanh H1, sinh năm 1963. (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà A, Đường số A, phường L, tỉnh Tây Ninh.

3*. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ông Hà Hoàng K, sinh năm 1962; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Anh Cao Thành H2, sinh năm 1990; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Chị Phạm Thị Thu X, sinh năm 1979; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Bà Đào Thị Kim T1, sinh năm 1962; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

3.5. Ông Võ Văn H3, sinh năm 1973; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

3.6. Anh Đào Tiếng K1, sinh năm 1979; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

3.7. Ông Đào Văn N1, sinh năm 1942; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

3.8. Ông Cao Minh S, sinh năm 1972; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

3.9. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1969; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Ông Cao Thành L, ông Nguyễn Văn H là nguyên đơn; Ông Hà Hoàng K, ông Cao Minh S, anh Cao Thành H2, anh Đào Tiếng Khoa, bà Nguyễn Thị P, bà Đào Thị Kim T1, ông Võ Văn H3, ông Đào Văn N1, chị Phạm Thị Thu X là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn, ông Cao Thành L, ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Ông Cao Thành L có thửa đất số 62, tờ bản đồ 22, diện tích cấp giấy 7.005m^2, mục đích sử dụng đất lúa (nay đã lên líp thành đất trồng cây lâu năm), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 12/9/2014 cho Cao Thành L đứng tên; ông Nguyễn Văn H có thửa đất số 95, tờ bản đồ 22, diện tích cấp giấy 2,870m^2, mục đích sử dụng đất trồng lúa, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 22/5/2007 cho Nguyễn Văn H đứng tên. Quá trình sử dụng trước đây khi nhà nước chưa làm ô bao thì các ông đi vào đất canh tác bằng đường thủy (rạch Bà H4), sau khi nhà nước làm ô bao thì sử dụng lối đi bộ chiều ngang khoảng 2m, chiều dài khoảng 100m từ đường đi công cộng qua đất của ông N, bà L1 để vào đất canh tác. Từ năm 2018 thì ông N, bà L1 yêu cầu những hộ đi qua đất phải góp tiền để ông bà làm hàng rào bảo vệ tài sản gia đình với số tiền là 3.000.000 đồng. Người đại diện các hộ dân gom tiền là ông D tổ trưởng tổ sản xuất nhưng không biết sao ông D lại lập hợp đồng thuê lối đi qua đất với giá 3.000.000 đồng/5 năm. Sau khi hết thời hạn 5 năm này thì ông N, bà L1 đòi tăng giá thuê, vì vậy ông L, ông H và những người đang sử dụng lối đi trên đất ông N, bà L1 không đồng ý. Do đó, ông N, bà L1 đã rào lối đi không cho ông L, ông H và những người có đất ở phía sau đi nữa.

Ông Cao Thành L và ông Nguyễn Văn H yêu cầu ông Dư Văn N và bà Lê Thị Tuyết L1 mở một lối đi chung có chiều ngang giáp đường công cộng là 2,14m (có vị trí theo các mốc 1-12-13 của Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 22/7/2025), chiều ngang phía giáp thuỷ lợi là 2,87m (theo các mốc 6-7-18) chiều dài cạnh là 100,5m (gồm các mốc 1-2-3-4-5-6) và cạnh còn lại là 99,11m (gồm các mốc 18-17-16-15-14-13), trên một phần thửa đất số 52, tờ bản đồ 36 do ông N, bà L1 đứng tên quyền sử dụng đất để ông L, ông H có lối đi vào phần đất của ông L, ông H ở phía trong canh tác, sản xuất, vị trí lối đi thể hiện là phạm vi B và C trên Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp điều chỉnh bổ sung ngày 22/7/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ). Ông L, ông H không đồng ý trả giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của diện tích đất sử dụng làm lối đi vì phần đất trên thuộc ô bao do nhà nước quản lý. Tại phiên toà ông L và ông H khẳng định chỉ yêu cầu lối đi có vị trí như trên, trong trường hợp bị đơn cho phép mở lối đi ngang 2m có vị trí sát mé Rạch Bà Hiết và tự nguyện di dời toàn bộ cây trồng, công trình kiến trúc, không yêu cầu hỗ trợ di dời thì nguyên đơn vẫn không đồng ý.

** Bị đơn, ông Dư Văn N, bà Lê Thị Tuyết L1 ủy quyền cho ông Trần Thanh H1 trình bày:*

Thửa đất số 52, tờ bản đồ 36, diện tích cấp giấy 2.238m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 17/6/2010 cho ông Dư Văn N, bà Lê Thị Tuyết L1 đứng tên. Nguồn gốc thửa đất ông N, bà L1 nhận chuyển nhượng của người khác vào năm 2010 nhưng không thường xuyên ở trên đất mà chỉ tới lui chăm sóc vườn cây. Năm 2014 khi Nhà N2 cho nạo vét rạch Bà H4 thì những người có đất ở phía sau (trong đó có ông L, ông H) tự sử dụng lối đi cặp bờ kênh trên phần đất của ông N, bà L1 để vào đất của họ canh tác. Năm 2016, khi ông N, bà L1 về xây dựng nhà ở trên đất thì có trồng cây trên bờ kênh này nên đến năm 2018 thì ông L, ông H và những người có đất phía trong có thoả thuận với ông N, bà L1 cho họ thuê đường đi mỗi mùa vụ lúa là 1.000.000 đồng và mỗi năm 03 vụ lúa là 3.000.000 đồng. Việc thoả thuận trên do ông Đinh Văn D là cán bộ nông dân của ấp đại diện 22 hộ dân ký hợp đồng thuê ngày 27/9/2018, thời hạn 05 năm. Ngày 21/11/2023 thì ông Cao Thành L đại diện cho 11 người ký hợp đồng thuê đường đi với giá mỗi mùa vụ lúa là 1.000.000 đồng và 01 năm 03 vụ lúa là 3.000.000 đồng, thời hạn 01 năm đến ngày 21/11/2024 là hết hạn hợp đồng nhưng chưa hết hạn hợp đồng thì ông L, ông H đã khởi kiện yêu cầu Uỷ ban xã giải quyết cho họ lối đi. Hiện tại ông N, bà L1 đã làm hàng rào kiên cố bít ngang lối đi ở phía giáp đường công cộng và làm cửa rào lưới B40 bít ngang lối đi ở phía giáp thuỷ lợi.

Nay ông N, bà L1 không đồng ý mở lối đi có vị trí, kích thước như ông L, ông H yêu cầu.

Trường hợp ông L, ông H và những hộ có đất ở phía trong yêu cầu mở lối đi thì ông N, bà L1 đồng ý cho sử dụng lối đi theo vị trí cặp rạch Bà H4 có chiều ngang giáp đường công cộng là 2m (gồm các mốc 12-13-24), chiều ngang phía giáp thuỷ lợi là 2,2m (gồm các mốc 7-18-19) chiều dài 01 cạnh giáp rạch Bà H4 là 98,44m (gồm các mốc 19-20-21-22-23-24) và 01 cạnh nằm trên bờ đê là 99,77m (gồm các mốc 7-8-9-10-11-12), trên một phần thửa đất số 52, tờ bản đồ 36 do ông N, bà L1 đứng tên quyền sử dụng đất. Đồng thời ông N, bà L1 yêu cầu những người sử dụng lối đi trên phải trả giá trị đất theo giá thị trường, cụ thể là 1.600.000 đồng/m^2 (ông N, bà L1 cung cấp thông tin rằng có một hộ trong khu vực đã chuyển nhượng với giá 1.600.000 đồng/m^2); Trước đây ông N, bà L1 có yêu cầu nguyên đơn trả giá trị cây trồng theo giá Hội đồng định giá đã định. Tuy nhiên tại phiên tòa ông, bà đã thay đổi ý kiến đồng ý tự nguyện di dời toàn bộ cây trồng, công trình kiến trúc để nguyên đơn thuận lợi sử dụng phần đất lối đi theo vị trí cặp rạch Bà H4 có chiều ngang giáp đường công cộng là 2m (gồm các mốc 12-13-24), chiều ngang phía giáp thuỷ lợi là 2,2m (gồm các mốc 7-18-19) thuộc phạm vi A và B trên Sơ đồ đo đạc

hiện trạng đất tranh chấp điều chỉnh bổ sung ngày 22/7/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ), không yêu cầu hỗ trợ di dời.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Cao Thành H2, Đào Tiếng K, Đào Thị Kim T1, Hà Hoàng K, Võ Văn H3, Phạm Thị Thu X, Đào Văn N1, Cao Minh S, Nguyễn Thị P đồng trình bày:*

Anh Cao Thành H2, Đào Tiếng K1, Đào Thị Kim T1, Hà Hoàng K, Võ Văn H3, Phạm Thị Thu X, Đào Văn N1, Cao Minh S, Nguyễn Thị P là những người có đất ở phía sau đất của ông N, bà L1. Quá trình sử dụng trước đây khi nhà nước chưa làm ô bao thì vào đất canh tác bằng đường thuỷ (rạch Bà H4), khi nước cạn thì đi bằng đường mòn, sau khi nhà nước làm ô bao thì sử dụng lối đi bộ chiều ngang khoảng 2m, chiều dài khoảng 100m từ đường đi công cộng qua đất của ông N, bà L1 để vào đất canh tác. Từ năm 2018 thì ông N, bà L1 yêu cầu những hộ đi qua đất phải góp tiền để ông bà làm hàng rào bảo vệ tài sản gia đình với số tiền là 3.000.000 đồng. Người đại diện các hộ dân gom tiền là ông D tổ trưởng tổ sản xuất nhưng không biết sao ông D lại lập hợp đồng thuê lối đi qua đất với giá 3.000.000 đồng/5 năm. Sau khi hết thời hạn 05 năm thì ông N, bà L1 đòi tăng giá thuê, vì vậy các ông, bà cũng như ông L, ông H đang sử dụng lối đi trên đất ông N, bà L1 không đồng ý. Do đó, ông N, bà L1 đã rào lối đi không cho các ông, bà có đất ở phía sau đi nữa.

Nay các ông, bà có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu ông Dư Văn N và bà Lê Thị Tuyết L1 mở một lối đi chung (không yêu cầu được cấp quyền sử dụng đất) có chiều ngang giáp đường công cộng là 2,14m (gồm các mốc 1-12-13), chiều ngang phía giáp thuỷ lợi là 2,87m (gồm các mốc 6-7-18) chiều dài 01 cạnh là 100,5m (gồm các mốc 1-2-3-4-5-6) và 01 cạnh là 99,11m (gồm các mốc 18-17-16-15-14-13), trên một phần thửa đất số 52, tờ bản đồ 36 do ông N, bà L1 đứng tên quyền sử dụng đất để các ông, bà có lối đi vào phần đất của mình ở phía trong canh tác, sản xuất (vị trí lối đi thể hiện trên Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp điều chỉnh bổ sung ngày 22/7/2025 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C). Các ông, bà có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đồng ý trả giá trị đất và tài sản trên đất của diện tích đất sử dụng làm lối đi vì phần đất trên thuộc ô bao do nhà nước quản lý. Các ông, bà có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khẳng định chỉ yêu cầu lối đi có vị trí như trên, trong trường hợp bị đơn cho phép mở lối đi ngang 2m có vị trí sát mé Rạch Bà Hiết và tự nguyện di dời toàn bộ cây trồng, công trình kiến trúc, không yêu cầu hỗ trợ di dời thì các ông, bà vẫn không đồng ý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2026/DS-ST ngày 13/3/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đồng Tháp đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Thành L, ông Nguyễn Văn H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Cao Thành H2, Đào Tiếng K, Đào Thị Kim T1, Hà Hoàng K, Võ Văn H3, Phạm Thị Thu X, Đào Văn N1, Cao Minh S, Nguyễn Thị P về việc yêu cầu bị đơn ông Dư Văn N, bà Lê Thị Tuyết L1 mở lối đi có diện tích 235,2m^2 thuộc thửa 52, tờ bản đồ số 36 theo các mốc yêu cầu mở lối đi ngang 2.14m, chiều dài hết đất ông Dư Văn N khoảng 100m giới hạn bởi các mốc 1-2-3-4-5-6-7-18-17-16-15-14-13-12-1 theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp điều chỉnh, bổ sung ngày 22/7/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ - Đồng Tháp) tọa lạc xã T, tỉnh Đồng Tháp do ông Dư Văn N và bà Lê Thị Tuyết L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. (Kèm theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp điều chỉnh, bổ sung ngày 22/7/2025 của Cn VPĐKĐĐ huyện C).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 26/3/2026 ông Cao Thành L, ông Nguyễn Văn H, ông Hà Hoàng K, ông Cao Minh S, anh Cao Thành H2, anh Đào Tiếng Khoa, bà Nguyễn Thị P, bà Đào Thị Kim T1, ông Võ Văn H3, ông Đào Văn N1, chị Phạm Thị Thu X kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông bà, buộc bị đơn mở lối đi có diện tích 235,2m^2 nằm trên ô đê bao số 20 thuộc sở hữu của Nhà nước và không phải trả tiền cho bị đơn.

- Tại phiên tòa phúc thẩm: Phía nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo vẫn khẳng định phần lối đi tranh chấp thuộc dự án ô bao số 20 là dự án do Nhà nước và nhân dân cùng làm, phần đất này là của Nhà nước và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L, ông H:* Luật sư Nguyễn Văn T có bài bào chữa cho rằng công văn của UBND xã T xác định phần đất của ông N, bà L1 có thuộc dự án ô bao số 20 là đất công, lối đi đã tồn tại từ trước, là lối đi thuận tiện nhất để vận chuyển hàng hóa, đi lại ra lộ công cộng, hiện nay nguyên đơn, người quan không còn lối đi nào khác nên yêu cầu xin mở lối đi là chính đáng, do là đất công nên các nguyên đơn, người liên quan không phải trả giá trị quyền sử dụng đất khi mở lối đi qua đất của ông N,

bà L1. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người có liên quan.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan đến việc xét xử vụ án. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo qui định của pháp luật.

- Về nội dung: Kiểm sát viên cho rằng cấp sơ thẩm giải quyết vụ có căn cứ, đúng pháp luật, người khởi kiện không chứng minh được phần đất mở lối đi là đất công do Nhà nước quản lý, hiện quyền sử dụng đất của phía bị đơn vẫn chưa bị Nhà nước thu hồi, nguyên đơn, người liên quan cũng có nhiều lối đi khác để ra đường công cộng nên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "*Quyền sử dụng đất (lối đi)*" và thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 13/3/2026 Tòa án nhân dân Khu vực 8- tỉnh Đồng Tháp xét xử vụ án, không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 26/3/2026, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo bản án sơ thẩm là trong hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng từ phần đất của họ muốn ra đường công cộng trước đây đi trên phần đất của ông N ven theo rạch bà H4, đến khoảng năm 2024 phía ông Năm R lại nên nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có lối đi để ra đường công cộng, phần lối đi này thuộc dự án ô bao số 20 là dự án Nhà nước và nhân dân cùng làm, phần đất này là của Nhà nước.

Xét lời trình bày, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ, bởi lẽ:

Phần lối đi tranh chấp vẫn nằm trong thửa đất số 52, tờ bản đồ 36, diện tích cấp giấy 2.238m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 17/6/2010 cho ông Dư Văn N, bà Lê Thị Tuyết L1 đứng tên. Theo Công văn số 310/CN.KVXIV.TTLT ngày 12/9/2025 của Chi nhánh Văn phòng Đ (bút lục 586) cung cấp thông tin: Phần diện tích đất tranh chấp QSD đất (lối đi) theo Sơ đồ đo đạc ngày 22/7/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực XIV thuộc thửa đất số 52, tờ bản đồ số 36 do ông Dư Văn N và bà Lê Thị Tuyết L1 quản lý sử dụng, Công văn 512 ngày 19/8/2025 UBND xã T (bút lục E) đã xác định đến thời điểm hiện tại chưa có quyết định thu hồi đất nào đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ số 36 do ông Dư Văn N và bà Lê Thị Tuyết L1 quản lý sử dụng nên đủ căn cứ xác định phần đất yêu cầu mở lối đi ở thửa đất số 52, tờ bản đồ số 36 ông Dư Văn N, bà Lê Thị Tuyết L1 là người được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp, không phải là đất thuộc ô bao do nhà nước quản lý như nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày.

Xét yêu cầu xin mở lối đi:

Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/01/2026 thể hiện:

Lối đi các nguyên đơn yêu cầu mở lối đi kích thước ngang 02m, chiều dài hết đất ông Dư Văn N dài khoảng 100m (sau đó đến đê bao chạy dài đến nhà bà Chính P1 khoảng 500m), cặp theo vị trí đất mà nguyên đơn yêu cầu mở lối đi nêu trên thì có rạch Bà H4, rộng khoảng 05m, có nước lưu thông bình thường đến nhà bà Phan Thị Phương H5 (C). Đồng thời hiện tại nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có 02 lối đi khác để sử dụng ra đường công cộng qua phần đất ông Đinh Văn D và qua trước nhà bà Phan Thị Phương H5 (C), cụ thể:

+ L2 đi thứ nhất: Lối đi xuyên qua phần đất của ông Đinh Văn D đến cầu B và rạch Bờ D1.

+ L2 đi thứ hai: Lối đi phía trước nhà bà Phan Thị Phương H5 (C) hiện tại là đê bao bằng đất rộng khoảng 2m kết nối xuyên suốt ra đến đường nhựa rạch Bà H4.

Mặt khác, quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm ông Đinh Văn D- trước đây là tổ trưởng tổ sản xuất, theo yêu cầu của hộ ông L, ông H, bà B (má anh H2) nhờ ông hỏi thuê đất của ông N để dùng vào việc vận chuyển nông sản, sau khi kết thúc hợp đồng thì các hộ dân tự gia hạn với ông N rồi sau đó phát sinh

tranh chấp. Đối với các hộ dân trồng cây ăn trái có thể vận chuyển trên bờ đê (đường đất) đi về phía nhà của hộ gia đình bà Phan Thị Phương H5 (C) để đi ra đường nhựa rạch Bà H4. Ông D cũng có phần đất giáp với Cầu B, trước phần đất của ông D có 01 lối đi. Đối với những hộ dân làm lúa trong khu vực đến thời điểm thu hoạch thì thuê máy cắt gặt đập liên hợp và vận chuyển lúa qua phần đất của ông D rồi tập trung tại rạch B để bán lúa.

Như vậy, thực tế các thửa đất của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không bị vây bọc bởi thửa đất số 52 của ông N và bà L1 đứng tên quyền sử dụng đất. Thực tế các thửa đất của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có 01 lối đi đi qua phần đất của ông Đinh Văn D đến cầu B và rạch Bờ D1 và 01 lối đi theo đê bao phía trước nhà bà Phan Thị Phương H5 (C) nên yêu cầu của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phù hợp với quy định tại Điều 254 của Bộ luật dân sự, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có cơ sở.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 06/8/2026 phía nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn khẳng định phần lối đi xin mở thuộc dự án ô bao số 20 là dự án Nhà nước và nhân dân cùng làm, phần đất này là của Nhà nước và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, xét thấy như phân tích trên phía nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới chứng minh, cấp sơ thẩm giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật nên yêu cầu kháng cáo không có cơ sở chấp nhận.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L, ông H:* Luật sư Nguyễn Văn T có bài bào chữa cho rằng công văn của UBND xã T xác định phần đất của ông N, bà L1 có thuộc dự án ô bao số 20 là đất công, tuy nhiên bản thân công văn này không xác định rõ vị trí phần đất nào và cũng xác nhận công trình ô bao số 20 là dự án Nhà nước và nhân dân cùng làm trên cơ sở người dân hiến đất Nhà nước bỏ vốn đầu tư, trong khi phía người khởi kiện không cung cấp được biên bản, văn bản việc bị đơn hiến đất, Nhà nước thu hồi đất và như phân tích trên tại Công văn của Chi nhánh Văn phòng Đ xác nhận đến thời điểm hiện tại chưa có quyết định thu hồi đất của ông N và bà L1. Ngoài ra, theo tài liệu nguyên đơn cung cấp là Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 02/7/2012 của UBND xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (cũ) về việc thành lập tổ vận động và giám sát công trình ô bao 20 thì nguyên đơn Cao Thành L là một trong 07 thành viên của tổ, như vậy năm 2023 khi ông L đại diện ký hợp đồng thuê đất làm lối đi với ông N và bà L1 cũng đã thể hiện ý chí của ông

L đối với quyền sử dụng đất phần lối đi nêu trên do đó không có căn cứ để chấp nhận ý kiến Luật sư.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có ý kiến cho rằng yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có cơ sở, không phù hợp với quy định tại Điều 254 của Bộ luật dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Giữ nguyên bản án số 43/2026/DS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Đồng Tháp.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 157; Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 254 của BLDS năm 2015; Điều 29, 100, Điều 166 của Luật đất đai; Nghị quyết số 26/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Thành L, ông Nguyễn Văn H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Cao Thành H2, Đào Tiếng K, Đào Thị Kim T1, Hà Hoàng K, Võ Văn H3, Phạm Thị Thu X, Đào Văn N1, Cao Minh S, Nguyễn Thị P về việc yêu cầu bị đơn ông Dư Văn N, bà Lê Thị Tuyết L1 mở lối đi có diện tích 235,2m^2 thuộc thửa 52, tờ bản đồ số 36 theo các mốc yêu cầu mở lối đi ngang 2.14m, chiều dài hết đất ông Dư Văn N khoảng 100m giới hạn bởi các mốc 1-2-3-4-5-6-7-18-17-16-15-14-13-12-1 theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp điều chỉnh, bổ sung ngày 22/7/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ - Đồng Tháp) tọa lạc xã T, tỉnh Đồng Tháp do ông Dư Văn N và bà Lê Thị Tuyết L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. *(Kèm theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp điều chỉnh, bổ sung ngày 22/7/2025 của CN VPĐKĐĐ huyện C).*

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

* Ông Cao Thanh L3, ông Nguyễn Văn H, ông Đào Văn N1 được miễn nộp án phí (có đơn xin miễn) do thuộc đối tượng người cao tuổi.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập phải nộp án phí gồm:

- Ông Nguyễn Văn H6 phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013850 ngày 09/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Đồng Tháp).

- Ông Đào Tiếng K1 phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013848 ngày 09/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Đồng Tháp).

- Bà Nguyễn Thị P phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 004170 ngày 13/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Đồng Tháp).

- Ông Cao Minh S phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004167 ngày 12/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Đồng Tháp).

- Bà Đào Thị Kim T1 phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013847 ngày 09/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Đồng Tháp).

- Bà Phạm Thị Thu X phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013849 ngày 09/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Đồng Tháp).

- Ông Cao Thành H2 phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013840 ngày 06/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Đồng Tháp).

- Ông Hà Hoàng K phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 004151 ngày 09/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Đồng Tháp).

Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Cao Thanh L3, ông Nguyễn Văn H, ông Hà Hoàng K, bà Đào Thị Kim T1 được miễn nộp án do thuộc đối tượng người cao tuổi.

- Ông Nguyễn Văn H6 phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0004391 ngày 27/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp).

- Ông Đào Tiếng K1 phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0004707 ngày 02/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Đào Văn N1 phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0004387 ngày 27/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp (do Đào Thanh S1 ký nộp).

- Bà Nguyễn Thị P phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0004384 ngày 27/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Cao Minh S phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0004388 ngày 27/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Phạm Thị Thu X phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0004358 ngày 27/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Cao Thành H2 phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0004294 ngày 27/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Về chi phí tố tụng: Tổng cộng là 3.285.000 đồng, ông L3 đã nộp 2.885.000 đồng, ông L3 tự nguyện chịu; ông N đã nộp tạm ứng 400.000 đồng, do yêu cầu không được chấp nhận nên ông L3 và ông H có trách nhiệm hoàn trả cho ông N số tiền 400.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND Tỉnh;
- Phòng GĐ, KT, TT & THA TAND Tỉnh;
- TAND Khu vực 8 - Đồng Tháp;
- Phòng THADS Khu vực 8 - Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (D).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thái Dũng